

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2025/HS-PT
Ngày 02-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai trực tuyến giữa hai điểm cầu, gồm: điểm cầu trung tâm là Phòng xét xử B của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở 2) và điểm cầu thành phần là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 442/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 28/9/1986, tại tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 002086007556. Nơi cư trú: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là: Thôn D - B, xã B, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Hứa Thị K; bị cáo có vợ tên là Bé Thị H và 02 người con lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2025 đến ngày 28/02/2025 được áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, ông Bùi Văn D được Ban Q1, huyện B giao cho diện tích đất tại khoảnh 5, 8 tiểu khu A để trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp. Sau khi nhận

đất giao khoán, thì ông Bùi Văn D đã trồng cây cao su trên diện tích đất trên. Sau này, diện tích đất trên được Ban quản lý rừng phòng hộ huyện B giao lại cho UBND xã T quản lý và đổi tên thành thửa đất số 289, 294, 295, tờ bản đồ số 35 toạ lạc tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Cuối năm 2022, Hoàng Văn T biết được diện tích đất của ông Bùi Văn D đang trồng cây cao su đến độ khai thác, nên khoảng tháng 01/2023, Hoàng Văn T nói với ông Nguyễn Văn Q (làm nghề môi giới) là Hoàng Văn T có khoảng 07 hecta đất trồng cây cao su muốn bán bông (bán quyền khai thác mủ). Ngày 20/02/2023, ông Nguyễn Văn Q dẫn ông Đồng Văn C đến gặp Hoàng Văn T để đặt vấn đề mua cao su bông. Sau đó, Hoàng Văn T dẫn ông Nguyễn Văn Q và ông Đồng Văn C đến thửa số 289, 294, 295 tờ bản đồ số 35 tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước để xem số lượng và chất lượng cây cao su. Sau khi xem xong, thì cả ba cùng nhau đi về nhà ông Đồng Văn C tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để thoả thuận mua bán. Tại đây, Hoàng Văn T bán cao su bông trên diện tích đất vừa xem cho ông Đồng Văn C trong thời hạn 01 năm với giá 140.000.000 đồng kể từ ngày 20/02/2023. Sau khi làm hợp đồng mua bán xong, thì ông Đồng Văn C nhờ em gái là bà Nguyễn Thị T1 chuyển khoản cho Hoàng Văn T 100.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng Hoàng Văn T để cho ông Đồng Văn C mua dụng cụ khai thác mủ và phát cỏ.

Đến ngày 24/02/2023, ông Nguyễn Văn Q liên hệ với ông Đồng Văn C nói là Hoàng Văn T muốn bán cao su bông trên diện tích trên thêm 01 năm nữa (tức là đến tháng 02/2025) thì ông Đồng Văn C đồng ý mua. Sau đó, Hoàng Văn T và ông Nguyễn Văn Q đến nhà ông Đồng Văn C. Tại đây, Hoàng Văn T đồng ý bán quyền khai thác mủ trên thửa đất số 289, 294, 295 tờ bản đồ số 35 toạ lạc tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước cho ông Đồng Văn C thêm thời hạn 01 năm (năm 2025) với giá 80.000.000đ. Ông Đồng Văn C đưa thêm cho Hoàng Văn T 80.000.000 đồng tiền mặt và Hoàng Văn T viết lại cho ông Đồng Văn C 01 hợp đồng mua bán cao su bông đề ngày 24/02/2023 có nội dung bán cao su bông 02 năm với số tiền là 220.000.000đ, bên mua đã trả số tiền 180.000.000đ nhằm thay thế hợp đồng mua bán đề ngày 20/02/2023 trước đó.

Khoảng 01 tháng sau, ông Đồng Văn C đến diện tích đất trên để khai thác mủ cao su thì có 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) ngăn cản không cho khai thác. Ông Đồng Văn C tìm hiểu thì biết được diện tích đất này là của ông Bùi Văn D và việc Hoàng Văn T bán cao su bông chưa được sự đồng ý của ông Bùi Văn D, nên ông Đồng Văn C đã nhiều lần yêu cầu Hoàng Văn T trả lại tiền. Sau nhiều lần tìm gặp đòi tiền thì Hoàng Văn T đã trả lại cho ông Đồng Văn C 112.000.000 đồng, còn 68.000.000 đồng không trả, nên ông Đồng Văn C đã trình báo Cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2025 đến ngày 28/02/2025.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn T số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2025, bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời trình bày của bị cáo, của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định: do bị cáo biết ông Bùi Văn D có tài sản là diện tích đất trồng cây cao su thuộc các thửa đất số 289, 294, 295, tờ bản đồ số 35 tại thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai) đang đến độ khai thác mỏ. Vào các ngày 20/02/2023 và ngày 24/02/2023, nhằm chiếm đoạt tiền của ông Đồng Văn C, Hoàng Văn T đã đưa ra thông tin gian dối là mình có cần bán quyền khai thác mỏ khiến ông C tin tưởng 02 lần giao tiền cho bị cáo với tổng số tiền 180.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T về xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội lần đầu; gia đình có công với cách mạng; bị cáo được nhiều lần tặng thưởng giấy khen và bị cáo là lao động chính trong gia đình theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt 03 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, nằm trong khung hình phạt của điều luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh bị cáo còn có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng chưa được Tòa án xem xét. Trên hết, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là giao dịch dân sự; thời điểm trước khi bị ông Đồng Văn C tố cáo thì bị cáo đã trả lại tiền cho ông C, chỉ còn thiếu 68.000.000 đồng chưa thu xếp kịp nhưng ông C vẫn tố cáo; hành vi của bị cáo chưa gây thiệt hại lớn cho xã hội nhưng bị cáo không có ý kiến gì về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy, những lời trình bày trên của bị cáo là thể hiện thái độ coi đường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác và hoàn toàn không thể hiện thái độ ăn năn, hối cải. Do đó, việc bị cáo xin giảm hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu xin được hưởng án treo: ngoài những điều kiện kiện áp dụng khác đối với trường hợp cho hưởng án treo thì theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với trường hợp bị xử phạt tù không quá 03 năm và không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đối chiếu các quy định này thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo cũng không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hoàng Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Hoàng Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2025 đến ngày 28/02/2025.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 Công an tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 12 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 12 - Đồng Nai;
- UBND xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai (thay cho Thông báo)
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, THS, HSVA (15b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi